TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24/3/2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Đức Sơn.

2. Ông Ma Văn Sơn.

- Thư ký phiên toà: Bà Lường Khánh Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Đàm Như Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 296/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07/3/2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Ma Thị Bích D, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang *(có đơn xin xét xử vắng mặt).*

* Bị đơn: Anh Quan Văn H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang *(vắng mặt không có lý do).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Ma Thị Bích D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị Bích D và anh Quan Văn H tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016. Chị D và anh H đăng ký kết hôn năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, chị D và anh H chung sống tại thôn H, xã H, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, bất đồng về cách quản lý kinh tế và cách chăm sóc con cái khiến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Chị D và anh H đã sống ly thân với nhau từ cuối tháng 6/2024 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Quan Văn H.

Về con chung: Chị Ma Thị Bích D và anh Quan Văn H có 02 con chung là cháu Ma Minh K, sinh ngày 11/4/2016 và cháu Quan Anh K1, sinh ngày 01/10/2018. Khi ly hôn chị D có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Không yêu cầu anh Quan Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D xác định không có tài sản chung, không có vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã Thông báo, triệu tập anh Quan Văn H đến để giải quyết việc chị Ma Thị Bích D đề nghị ly hôn nhưng anh H đều không có mặt và không có ý kiến trình bày đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị Bích D. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh H vẫn đăng ký thường trú tại thôn P, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của ông Quan Văn C (bố đẻ của anh Quan Văn H) cung cấp như sau: Chị D và anh H được tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2016, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật năm 2018 tại UBND xã T, huyện C và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn chị D và anh H chung sống cùng gia đình chị D tại thôn H, xã H, huyện C. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng thì ông không nắm được do anh H, chị D đi làm ăn xa, không chia sẻ nguyên nhân mâu thuẫn cho gia đình. Chị D, anh H có về thăm gia đình vào ngày 30/4/2024, từ đó không thấy về nữa. Anh H hiện nay đang đi làm ăn xa, gia đình chỉ liên lạc được với anh H qua điện thoại. Ông C xác định, việc chị D nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án anh H có được biết, tuy nhiên do anh H đang đi làm ăn xa nên không thể về theo Giấy triệu tập của Tòa án. Địa chỉ cụ thể nơi làm việc của anh H ở đâu thì ông C cũng không được biết, nên ông C không cung cấp được địa chỉ nơi làm việc của anh H cho Tòa án, ông C xác định khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án ông C đã thông báo cho anh H biết việc chị D xin ly hôn nhưng anh H không về. Chị Ma Thị Bích D và anh Quan Văn H có 02 con chung là cháu Ma Minh K, sinh ngày 11/4/2016 và cháu Quan Anh K1, sinh ngày 01/10/2018.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Riêng bị đơn

chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của chị Ma Thị Bích D; cho chị Ma Thị Bích D được ly hôn với anh Quan Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Ma Minh K, sinh ngày 11/4/2016 và cháu Quan Anh K1, sinh ngày 01/10/2018 cho chị Ma Thị Bích D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Quan Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ chung chị Ma Thị Bích D xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không đề nghị xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Ma Thị Bích D phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định. Anh Quan Văn H không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Ma Thị Bích D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Quan Văn H; anh Quan Văn H đăng ký thường trú tại thôn P, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Quan Văn H đăng ký thường trú tại thôn P, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Anh H đi làm ăn xa, không thông báo địa chỉ nên không rõ địa chỉ cụ thể hiện nay của anh H. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập, gia đình anh H đã thông báo cho anh H nhưng anh H vẫn không về và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc, đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Quan Văn H vẫn vắng mặt lần thứ hai, chị Ma Thị Bích D có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị D, anh H có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 25/9/2018 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của ông Quan Văn C và kết quả xác minh tại thôn P, xã T, huyện C cho thấy: Quá trình chung sống giữa chị D và anh H xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau và bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm, chia sẻ giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng chị D, anh H thực tế đã không tồn tại từ giữa tháng 6/2024 đến nay; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị D và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị Bích D, xử cho chị D được ly hôn với anh Quan Văn H.

[2.2] Về con chung: Chị D và anh H có 02 con chung là cháu Ma Minh K, sinh ngày 11/4/2016 và cháu Quan Anh K1, sinh ngày 01/10/2018. Khi ly hôn chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu Ma Minh K trình bày khi bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với chị D. Trong quá trình giải quyết vụ án anh H biết được Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa chị D và anh H, nhưng anh H không có văn bản trình bày ý kiến về nguyện vọng của mình về con chung khi ly hôn, hiện nay anh H đi làm ăn xa thường xuyên không có mặt tại địa phương. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu cháu Ma Minh K, sinh ngày 11/4/2016 và cháu Quan Anh K1, sinh ngày 01/10/2018 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ma Thị Bích D xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí:* Căn cứ các Điều 143, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa

án. Chị Ma Thị Bích D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật, anh Quan Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ các Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của chị Ma Thị Bích D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ma Thị Bích D được ly hôn với anh Quan Văn H (Giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 25/9/2018 của UBND xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang).

2. Về con chung: Giao cháu Ma Minh K, sinh ngày 11/4/2016 và cháu Quan Anh K1, sinh ngày 01/10/2018 cho chị Ma Thị Bích D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Quan Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Ma Thị Bích D phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Chị Ma Thị Bích D đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000002109852 ngày 30/10/2024 của Đơn vị trung gian thanh toán Công ty cổ phần T và biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000692, ngày 31/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa nay được trừ vào tiền án phí. Chị Ma Thị Bích D đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Quan Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Ma Thị Bích D và anh Quan Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã Tân Mỹ (nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Bích Ngọc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Đức Sơn **Ma Văn Sơn** **Đào Thị Bích Ngọc**